

Bản án số: **124** /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/11/2021
V/v **“Ly hôn”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phượng

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Tân.

2. Ông Hồ Phi Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **308/2021/TLST-HNGĐ** ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **136/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày 05 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: **142/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 20 tháng 10 năm 2021; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Ngô Thị N**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng B**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 4134, ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:**

Bà và ông B tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc(Nay là phường Xuân Bình, tp Long Khánh). Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B thường xuyên ra ngoài ăn chơi, tụ tập bạn bè bên ngoài, thiếu trách nhiệm gia đình vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau dẫn đến tình

cảm ngày một lạnh nhạt không hạnh phúc. Tuy sống chung một nhà nhưng cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, gia đình hai bên cũng đã hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả.

- **Về con chung:** Vợ chồng chung sống có 04 con chung; cháu Nguyễn Trọng Ngọc T, sinh ngày 03/02/2004, cháu Nguyễn Trọng Thảo V, sinh ngày 18/02/2007, cháu Nguyễn Trọng Như N1, sinh ngày 28/02/2008 và cháu Nguyễn Trọng Bảo N2, sinh ngày 03/12/2017 bà N có yêu cầu nuôi dưỡng 04 cháu và không yêu cầu ông B đóng góp phí tổn nuôi con.

- **Về tài sản chung:** không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trọng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2021 của cháu Nguyễn Trọng Ngọc T con ông B, bà N khai mâu thuẫn trong cha mẹ thường xuyên xảy ra và đã lâu cha mẹ không còn nói chuyện và ở riêng phòng, cha có biết việc mẹ đưa đơn xin ly hôn ra Tòa án nhưng cha không đồng ý đến Tòa làm việc.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Ngô Thị N khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**”

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: bà N có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông B, xác định bà N là nguyên đơn, ông B là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông B chung sống từ năm 2003 có đăng ký

kết hôn theo quy định. Bà N cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, ông B thiếu sự quan tâm, thường tụ tập bạn bè bên ngoài ăn chơi. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông B nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày. Qua lời khai của cháu Nguyễn Trọng Ngọc T, Nguyễn Trọng Thảo V đã cho thấy tình trạng hôn nhân của ông B, bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung là các cháu Nguyễn Trọng Ngọc T, sinh này 03/02/2004, cháu Nguyễn Trọng Thảo V, sinh ngày 18/02/2007, cháu Nguyễn Trọng Như N1, sinh ngày 28/02/2008 và cháu Nguyễn Trọng Bảo N2, sinh ngày 03/12/2017, bà N có yêu cầu nuôi dưỡng và không yêu cầu ông B đóng góp phí tổn nuôi con. Ông B vắng mặt không có lời khia và có ý kiến về con chung nên giao các cháu T, V, Như N1 và Bảo N2 cho bà N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là hợp lý. Bà N không yêu cầu ông B đóng góp phí tổn nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, ông B vắng mặt không có lời trình bày gì nên không xem xét giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị N, bà N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B.

Về con chung: giao các cháu Nguyễn Trọng Ngọc T, sinh này 03/02/2004, cháu Nguyễn Trọng Thảo V, sinh ngày 18/02/2007, cháu Nguyễn Trọng Như N1, sinh ngày 28/02/2008 và cháu Nguyễn Trọng Bảo N2, sinh ngày 03/12/2017 cho bà N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là hợp lý. Bà N không yêu cầu ông B đóng góp phí tổn nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Trọng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Trọng B, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh**

chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với ông Nguyễn Trọng B. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Trọng B đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Lộc(Nay là phường Xuân Bình, tp Long Khánh).Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B thường xuyên ra ngoài ăn chơi, tụ tập bạn bè bên ngoài, thiếu trách nhiệm gia đình vợ chồng thường gây gổ nhau dẫn đến tình cảm ngày một lạnh nhạt không hạnh phúc. Tuy sống chung một nhà nhưng cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, gia đình hai bên cũng đã hòa giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả.

Xét cuộc hôn nhân giữa bà N và ông B tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Bà N có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung cháu Nguyễn Trọng Ngọc T, sinh ngày 03/02/2004, cháu Nguyễn Trọng Thảo V, sinh ngày 18/02/2007, cháu Nguyễn Trọng Như Ngọc, sinh ngày 28/02/2008 và cháu Nguyễn Trọng Bảo Ngọc, sinh ngày 03/12/2017 bà không yêu cầu ông B đóng góp phí tổn nuôi con.

Xét yêu cầu xin tiếp tục nuôi dưỡng các cháu của bà N cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu T, V, Như N1 và Bảo N2 xin được mẹ nuôi dưỡng; ông B không đến làm việc và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà N giao các cháu T, V, Như N1 và Bảo N2 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: bà N không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: bà N khai không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bà Ngô Thị N phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát: là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4

Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điểm b, Khoản 2, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N đối với ông Nguyễn Trọng B về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**. Bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Trọng B.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Trọng Ngọc T, sinh ngày 03/02/2004, cháu Nguyễn Trọng Thảo V, sinh ngày 18/02/2007, cháu Nguyễn Trọng Như N1, sinh ngày 28/02/2008 và cháu Nguyễn Trọng Bảo N2, sinh năm 03/12/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Trọng B được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, bà N và ông B được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: bà Ngô Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004961 ngày 16/4/2021 được tính trừ vào án phí.

Bà Ngô Thị N, ông Nguyễn Trọng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND phường Xuân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng